

NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH CỦA KHÁM THỜ, BAN THỜ TRONG DI TÍCH TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG - MỘT SỐ NÉT TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT Ở VÙNG ĐÔNG NAM Á

THE ART OF CREATING WORSHIPS AND ALORIES

IN MONUMENTS RELIGION BELIEF - SOME SIMILARITY AND DIFFERENCES IN SOUTHEAST ASIA

LÊ VĂN TẠO(*) và PHAN QUÂN DŨNG(**)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 22-8-2024 Ngày biên tập xong: 05-9-2024 Ngày duyệt đăng: 31-9-2024 Mã số: TCKH47-13-2024 ISSN: 2525 – 2429</p> <p>Từ khóa: khám thờ; ban thờ; nghệ thuật tạo hình; tôn giáo tín ngưỡng; Đông Nam Á. Key words: altar cabinet, altar table, art of shaping, religious belief, Southeast Asia.</p>	<p>Khám thờ, ban thờ là một thể loại đồ thờ đặc biệt, một dạng biểu tượng văn hóa trong nghệ thuật tạo hình và có vị thế “trung tâm” trong một kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng. Khám thờ, ban thờ là những thuật ngữ có nhiều điểm chung về công năng, nhưng lại rất khác nhau về hình thức tạo hình và phản ánh những đặc điểm lịch sử của mỹ thuật tôn giáo, tín ngưỡng ở mỗi dân tộc. Kiến trúc của một ngôi đền, chùa thường được chú trọng đến hình thức biểu đạt của lớp vỏ bao chứa bên ngoài, tuy nhiên cốt lõi vẫn là các khám thờ, ban thờ như một trái tim của mỗi di tích. Khám thờ thường có điểm khác biệt hơn về mặt hình thức so với ban thờ; khám thờ thường mang tính chất như một mật thất, sự khép kín và hơn hết là tính “duy nhất một thần linh” mang tính khởi thủy, trong nhiều trường hợp về sau, khám thờ có đặt bài vị, tượng thờ của nhiều vị thần linh trong một mối quan hệ nhất định. Nghệ thuật tạo hình khám thờ, ban thờ, điện thờ thường phản ánh rõ rệt những sắc thái văn hóa rất riêng biệt của mỗi quốc gia ở vùng Đông Nam Á.</p> <p>ABSTRACT: The “khám thờ” and “ban thờ” are special types of worship objects, serving as cultural symbols in the art of shaping and holding a “central” position within religious architecture. While khám thờ and ban thờ share common functional purposes, they differ significantly in their artistic forms, reflecting the historical characteristics of religious art in each culture. The architecture of temples and pagodas often emphasizes the expression of the external structure, but the core is the khám thờ and ban thờ, which act as the heart of each monument. The khám thờ generally differs from the ban thờ in form; it often resembles a secret chamber, closed off, and primarily embodies the concept of a “single deity” in its original state. In many later cases, the</p>

(*) PGS.TS. Trường Đại học Văn Lang, levantaoth@gmail.com

(**) ThS. Trường Đại học Văn Lang, dung.pq@vlu.edu.vn

khám thờ contains memorial tablets or statues of various deities in a specific relationship. The art of creating khám thờ, ban thờ, and shrines distinctly reflects the unique cultural nuances of each Southeast Asian country.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khám thờ là một từ ghép theo chữ Hán - Việt. Từ “khám thờ” có nhiều nghĩa trong vai trò của một danh từ: “*Bàn thờ, trang thờ, thạch thất để thờ Phật, thần linh hay tổ tiên*”; “*Phật khám*”: 佛龕 bàn thờ Phật; *Quan tài đặt thi thể nhà sư* [1, tr.50]. Từ “*Khám*” cũng có nhiều nghĩa, trong đó *Khám* được hiểu là “*Cái nhà ở dưới tháp, cái khám thờ Phật*” [2, tr.65]... Về mặt ngữ, nghĩa của danh từ “khám thờ”, “ban thờ”, “điện thờ” đều có ý nghĩa về vị trí nơi đặt “thần chủ” trong mỗi di tích, tuy nhiên có rất nhiều điểm khác biệt chủ yếu về quy mô và hình thức tạo hình, kiểu dáng, trang trí khám thờ, ban thờ, điện thờ. Hình thức biểu đạt trong nghệ thuật tạo hình khám thờ, ban thờ, điện thờ thể hiện những quan niệm về văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo ở mỗi thời và mỗi vùng rất khác nhau. Khảo sát về mỹ thuật cổ truyền ở vùng Đông Nam Á cho thấy khá cụ thể những kiểu thức, phong cách tạo hình của các khám thờ, ban thờ, điện thờ ở mỗi quốc gia và đồng thời lại cho thấy có một sự kết nối mật thiết trong một số biểu hiện trong tạo hình khám thờ, ban thờ, điện thờ ở các di tích kiến trúc nghệ thuật tôn giáo, tín ngưỡng vùng Đông Nam Á. Bà La Môn giáo, Hindu giáo, Phật giáo nguyên thủy truyền bá rất sớm theo cả đường thủy và đường kết nối trên bộ vào vào lục địa Đông Nam Á. Có thể nhận thấy sự có mặt của Phật giáo Tiểu thừa mang nhiều yếu tố Hindu giáo ở Ayeyarwady một đô thị cổ ở vùng hạ lưu châu thổ sông Ayeyarwady do người Môn thiết lập từ đầu Công nguyên [5, tr.77-82]. Tuy vậy chỉ dấu của Phật giáo nguyên thủy được xác thực đậm nét hơn tại các di tích khảo cổ học ở vùng

Pagan, Mandalay, Ava, Pegu thuộc Myanmar xuất hiện sớm nhất từ thế kỷ X. Những khám thờ, tượng thờ, tháp chùa cổ hiện tồn khá chân thực với giá trị nguyên bản, cho thấy một phong cách tạo hình rất khác biệt của Phật giáo Pagan, được xác lập vào thế kỷ XII đến thế kỷ XV do người Bamar làm chủ thể. Cũng vào giai đoạn này (thế kỷ XIII) tại vùng Chiang Mai (tây bắc Thái Lan ngày nay) xuất hiện vương quốc Lanna có những sự gắn bó lịch sử nhất định với các triều đại Pagan. Nhiều thiền sư Pagan sang Lanna truyền đạo tại Chiangmai và Chiangrai, đây cũng là cơ sở tạo nên một sắc diện mỹ thuật Phật giáo Lanna rất đặc trưng. Nghệ thuật kiến trúc và tạo hình khám thờ, ban thờ của người Lanna chịu nhiều ảnh hưởng từ phong cách của người Môn đến từ Hariphunchai (một tiểu quốc vùng đất cực bắc Thái Lan và Myanmar được hình thành từ thế kỷ VII với vương triều của vua Suthep một lãnh chúa người Môn rất nổi tiếng). Tại các thành đô phía nam Thái Lan, nghệ thuật kiến trúc và tạo hình khám thờ, ban thờ, tượng thờ lại mang một sắc diện khác, đặc trưng của người Thái vùng Krung Thep, Sukhothai, Ayuthaya, phong cách nghệ thuật vùng “trung tâm” này cho thấy những hình thức tân kỳ hơn; xuất hiện những mạch chảy văn hóa rõ rệt với nghệ thuật chùa tháp Campuchia và người Kh’mer vùng Nam Bộ Việt Nam.

2. NỘI DUNG

2.1. Nghệ thuật tạo hình khám thờ, ban thờ vùng Bắc Bộ, Việt Nam

Khám thờ trong chùa Phật ở Bắc Bộ: Những di vật thuộc chùa Phật ở Bắc Bộ, Việt Nam được nhận biết từ thế kỷ X thời Đinh và

Tiền Lê ở di tích Hoa Lư, Ninh Bình. Tuy vậy, nhưng di sản kiến trúc khám thờ, điện thờ hiện nay chỉ có thể nhận thấy sớm nhất là ở thời Trần thế kỷ XIV-XV). Khám thờ là dạng một thiết kế nơi là đặt tượng, bài vị, di vật của thần chủ; thường được bao kín ba mặt và có cửa ở mặt trước, mô phỏng một điện thờ thu nhỏ. Thông thường khám có hình khối vuông, tầng đế, thân và mái; tùy mỗi thời mà trang trí tầng đế với các lớp diềm ngang bao quanh có sử dụng hoa vân sóng hình nấm, cánh sen, rồng hóa vân, hoa văn chữ triện; thân khám có 4 trụ thường chạm rồng cuộn; mái mô phỏng mái đình, miếu, đôi khi có dạng mái chông diềm 2 tầng, 8 mái... Khám thờ ở các di tích vùng Bắc Bộ, Việt Nam có 2 dạng: Mật khám và khám thờ dạng điện thờ thu nhỏ; Mật khám là một điện thờ đặc biệt, nơi ngự của thần trong một không gian đặc biệt tĩnh lặng, cách biệt, kiêng kỵ và tối linh; thường xuất hiện trong các đình, đền thờ thần thánh ở vùng Bắc Bộ. Gian thờ thánh được thiết kế riêng và gọi là “mật khám”, trong một vài trường hợp những ngôi chùa ở Bắc Bộ có mối gắn kết với lịch sử ra đời từ tín ngưỡng dân gian nên cũng có “mật khám” để thờ Thánh như chùa Trăm Gian thờ Thánh Bối Nguyễn Bình An; chùa Thầy và hơn 20 chùa cổ khác vùng Bắc Bộ có khám thờ Thiền sư Từ Đạo Hạnh hay còn gọi là Đức Thánh Láng (một trong những vị Thánh rất được đề cao trong văn hóa của người Việt vùng Bắc Bộ)... Gian thờ Thánh có tên là “mật khám” này thường có vị trí kín đáo ở gian hậu cung và chỉ những ngày lễ trọng (đại lễ) mới mở để thực hiện các nghi lễ đặc biệt (tắm, rước, thỉnh) thần chủ. Những gian mật khám này thường mang ý nghĩa tâm linh hơn là về những chi tiết về thẩm mỹ. Chùa Trăm Gian (Chương Mỹ, Hà Nội) có gian thờ đức Thánh Bối nằm bên phải Tam Bảo với một dạng điện kín mỗi chiều khoảng 4 m, ván gỗ bung kín 4 mặt chỉ có 1 cửa bức bàn cao 1,8 m x rộng 80 cm luôn luôn đóng kín. Chính giữa điện thờ bên trong có bức tượng Ngài tọa trên ngai tạc theo lối tả chân, sơn màu da người

vàng nhạt, chất liệu hỗn hợp sơn màu, y phục khoác trên thân được thay đổi theo mỗi kỳ. Chùa Đậu (Thường Tín, Hà Nội) có tòa Thượng Điện ở phía sau chùa có một mật thất thường đóng kín, bên trong có ngai thờ Đại Thánh Pháp Vũ Bồ Tát và cũng là nơi lưu giữ cuốn “Sách Đồng”, tương truyền có từ thời Sĩ Nhiếp (thế kỷ III sau Công nguyên tức gần 2000 năm). Tại chùa Đậu - Hà Nội còn có 2 khám được xây bằng gạch vữa dạng như am thờ hai vị thiền sư Vũ Khắc Minh và thiền sư Vũ Khắc Trường với kích thước chiều cao hơn 2 m và chiều rộng gần 2 m. Trong tòa nhà Tổ sau chùa lại có 2 khám thờ bằng gỗ, sơn son thếp vàng, khám cao 2,5 m, rộng ngang chừng 1,2 m bên trong đặt tượng nhục thân của 2 vị thiền sư Vũ Khắc Minh và thiền sư Vũ Khắc Trường. Đây là 2 khám thờ được chạm trổ khá công phu mô phỏng kiểu của vua Việt Nam thời Hậu Lê. Tại điện Thánh của chùa Thầy ngoài hai bức tượng thiền sư Từ Đạo Hạnh kiếp vua, kiếp Phật, thì bức tượng ở kiếp thánh đặt trong khám thờ làm bằng gỗ, tương truyền khi xưa tượng có thể đứng lên, ngồi xuống được, nhờ tạo tác sử dụng các khớp xương có thể chuyển động được. Khám thờ được xem tiêu biểu nhất và niên đại có sớm nhất Bắc Bộ, Việt Nam là khám thờ chùa Bà Tấm có niên đại thuộc thế kỷ XVI, chất liệu gỗ sơn son thếp vàng; kích thước: cao 170 cm, rộng thân 63 cm, rộng chân 67 cm, rộng bờ nóc 32 cm, rộng mái trên 52 cm, rộng mái dưới 76 cm. Khám thờ thuộc dạng mô phỏng một ngôi điện thờ khá gần gũi với mô hình khám thờ chùa Thầy với phần đế nhiều tầng, thân khám hình khối hộp vuông, mái tạo theo kiểu mái chùa tháp cổ. Tuy chỉ là một kiến trúc mô phỏng một điện thờ nhưng khám thờ chùa Bà Tấm vẫn thể hiện rõ phần liên kết cấu mái, khung nhà với các bộ con - sơn, cồng, đầu khá tinh tế.

2.2. Một số khám thờ tiêu biểu vùng Bắc Bộ, Việt Nam

Ba bộ khám thờ tiêu biểu về mặt phong cách chạm khắc gỗ Việt Nam chính là ở điện

thờ Thành Hoàng làng ở đình làng Diềm, đình làng Thổ Hà (Bắc Ninh), đình làng Thổ Tang (Vĩnh Phúc) đều thuộc loại điển hình nhất trong hệ thống khám thờ với các bộ cửa võng rất độc đáo vùng Bắc Bộ thuộc thế kỷ XVII-XVIII. Bộ cửa võng ở khám thờ đình Diềm (hình 1) có chiều cao 7 m (từ chân ban thờ lên thượng lương), bề rộng tính hết chiều ngang gian giữa 3,6 m, bức võng được chia làm năm tầng. Tầng 5 (cao nhất sát thượng lương) bố cục bằng gỗ chữ nhật theo chiều ngang cao 50 cm x ngang 3,6 m, chạm khắc mặt trời chính tâm đường kính 15 cm và hai bên là 2 hình tròn đường kính 5 cm, nền là các hình chun đao lửa bốc theo chiều ngang sang 2 bên, có 3 hình hoa đèn kết tua rua với 4 dải thả xuống. Tầng 4 cao 55 cm rộng ngang 3,6 m tạo hình với 3 màn cảnh sân khấu giản cách bằng 6 trụ đứng; mỗi lớp màn sân khấu có 3 đầu tiên nở ra ở điểm giữa của mỗi sân khấu; các trụ đều được chạm khắc cầu kỳ hình cây thiêng kết từ hoa lá và hình rồng nhỏ li ti. Tầng 3 cao 45 cm rộng ngang 3,8 m có 4 cửa sân khấu mỗi cửa có một hình hoa cúc mãn khai đường kính 8 cm. Giãn cách mỗi cửa sân khấu là một hình bông sen mãn khai. Tầng 2 là tầng sát với khám thờ dưới cùng, cao 1,3 m rộng ngang 3,8 m với 3 cửa sân khấu lớn và 2 sân khấu nhỏ hơn 2 bên và 8 cột trụ đứng, đây là tầng được chạm khắc cầu kỳ nhất. Các cột trụ được rồng hóa gồm rồng cuộn, rồng lượn hình sin dáng đang bay lên, nền cảnh là các đao lửa có hình lưỡi mác nhọn; mỗi nhóm đao mác dài chun nhiều khúc theo nhóm 3 ngọn, nhóm 5 ngọn bốc cao quanh mỗi trụ rồng cuộn. Mỗi cửa (dạng sân khấu) có chiều sâu tới 60 cm cùng với 9 lớp riềm, diềm võng vắt ngang trên trần sân khấu và diềm đứng 2 bên cánh gà theo lớp từ ngoài vào trong rất tỉ mỉ. Tầng 1 bên dưới cùng là ban thờ. Các bộ cấu đối ở tầng 2 và tầng 1 đều thuộc niên đại thế kỷ XVIII.



Hình 1. Khám thờ chạm khắc diềm võng đình làng Diềm
Nguồn: Tác giả, 2023

Bộ cửa võng đình làng Thổ Hà có chung phong cách tạo hình với cửa võng đình làng Diềm nhưng không cầu kỳ bằng bộ cửa võng đình làng Diềm. Bố cục các tầng của cửa võng đình làng Thổ Hà cũng khác hơn. Ngôn ngữ tạo hình ở bộ cửa võng đình làng Thổ Hà cũng giản lược hơn, chiều sâu cửa (sân khấu) ở tầng 3, và tầng 4 cũng nông hơn gồm 6 lớp diềm bao cánh gà và đỉnh mái dạng kết võng ở tâm. Mô-típ trang trí ở cửa võng đình Thổ Hà chủ yếu là hoa cúc dây bao cột trụ ngoài và hình rồng cuộn cột trụ bên trong được trở thủng, kỹ thuật có độ thoáng và giản lược hơn đình làng Diềm. Một thể loại khám thờ khác mang tính độc đáo có niên đại ở thế kỷ XVIII là 2 chiếc khám đá thờ 2 bà cô mẫu quận công Hoàng Bùi Hoàn (Nông Công-Thanh Hóa) và khám thờ chất liệu gỗ ở đền Trần Khát Chân (Vĩnh Lộc-Thanh Hóa). Khám thờ ở đền Trần Khát Chân (Vĩnh Lộc, Thanh Hóa) được đặt trong nhà Hậu cung theo hướng Đông Nam, niên đại thuộc thế kỷ XVII, trong khi đó, nhà tiền tế có niên đại Minh Mạng nguyên niên (1820), trùng tu năm Thành Thái Canh Dần (1890). Nhà hậu cung là một dọc dạng nhà ống muống (hay chuôi vò phía sau) với 4 vì mỗi vì có 2 cột, gác tường hiên 2 mặt; chiều cao trung bình các cột là 3,4 m, hai vì giữa là vì chính kết cấu đầy đủ, các vì gian đốc kiểu vì dọc, gian tiếp giáp với nhà tiền tế được bắt nối bằng một “kèo bắt quyết” hay

kẻ moi (còn gọi là kẻ xối) hình có hình chữ V (có chạm hình rồng leo) nối mái sau nhà ngang với nhà hậu cung lại với nhau. Gian hậu cung nơi đặt tấm thờ rộng 2,0 m, dài 3 m, bên trên đặt một khám gỗ hình khối vuông 4 trụ và bốn mái mô phỏng một mái chùa làng. Bên trong khám là bài vị và mũ miện, di vật của Thượng tướng quân Trần Khát Chân, khám cao 1,8 m, rộng khoảng 95 cm, có 4 trụ với đầu đao hình lân, 3 mặt ván bức bàn được chạm khắc hình long vân và hoa điều. Nghệ thuật chạm khắc trang trí ở gian hậu cung đền Trần Khát Chân theo dạng mật thất với bộ diềm cửa là hình 3 tiên nữ hóa rồng trong dạng 3 đao lửa bốc lên, cùng với mật độ chạm khắc tiên nữ, hồ phù, đao mây, vân lửa phủ kín kết cấu trên các các xà ngang, xà lòng, xà đai, đỡ bụng vách hiên, ván mê... tạo ra một không gian huyền diệu, linh thiêng của nơi ngự của thần chủ.

Hiện nay, trong số các khám thờ cổ Việt Nam còn 3 chiếc là chất liệu đá: 2 chiếc tại đền Voi (Bố Vệ - Thanh Hóa), vốn xưa có thể là di vật thuộc đền thờ dòng họ Quận công Hoàng Bùi Hoàn ở vùng Nông Cống, Thanh Hóa. Hai chiếc khám thờ chất liệu đá này có kích thước như nhau, chiều rộng chừng 85 cm, chiều cao chừng 1,2 m, có niên đại thuộc thế kỷ XIX. Vấn đề khác biệt chính là kỹ thuật tạo tác chiếc khám thờ chất liệu đá với vách 3 mặt kín của khám chỉ dày chừng 1,5 cm chạm trở hoa văn hình mây chùm 3 móc, hình mặt trời và tinh tú. Trong mỗi khám tạc tượng 1 người phụ nữ trạc tuổi 40, dáng tọa thiền, tượng cao 68 cm; Khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu, vắn khấn mở quạ, đeo yếm, áo tứ thân hở ngực, thắt dây bao, đeo bao trầu, tay lần tràng hạt. Phong cách tạo hình thuộc dạng tượng thờ tả chân, kỹ thuật thâm diễn y phục khá sinh động có nhiều nét tương đồng với tượng Mẫu ở các đền Tam Phủ. Khám thờ bằng đá thứ 3 chính là tháp Huệ Quang (tháp Tô), chùa Hoa Yên, Quảng Ninh có phần thân tháp tại tầng 2 là một khám thờ dạng 1 của phía Đông, trong khám đặt tượng

Đức Phật Hoàng bằng đá, bên dưới là nơi an bài xá lý của Ngài. Theo sử liệu tháp do Vua Trần Anh Tông và Đệ Nhị Tổ Pháp Loa thiền phái Trúc Lâm xây dựng vào năm 1309. Khám thờ là một bộ phận chính của Tháp Huệ Quang được chạm khắc rất tinh tế trên đá gồm: Tháp có 6 tầng, thất dần lên cao, đỉnh là búp sen; tầng đế và tầng 2 là khám thờ có tượng Phật Hoàng bằng đá Granit được cho là có niên đại muộn hơn xây tháp (khoảng thế kỷ XVII). Phần đế tháp hình cổ bông như một bông hoa với 102 cánh, đỡ khám thờ; mỗi tầng có phần đao mái nhô ra chừng 20-30 cm khắc hình đao mũi nhọn; mặt hông tầng 2 có chạm nổi hình Phật trong khám chìm độ 25 cm, dáng đứng ở thế Thí nguyện thủ ấn (Varada Mudra), cửa chính mặt hướng Đông có đỉnh hình vòm cung bên trong là bức tượng Đức Phật Hoàng tọa thiền, cao chừng 80 cm, khuôn mặt dài, hao gầy, đầu trọc, áo cà sa mỏng ôm sát thân mỏng, nếp áo xẻ từ vai trái ngang ngực khép vào hông phải lộ vai và tay phải để trần. Hai tay ở thế duỗi đặt lên trên hai chân, phong thái diềm tĩnh, tự tại tượng cho thế Bhumisparsha Mudra.

2.3. Thể loại ban thờ ở Việt Nam

Các chùa Phật giáo vùng Bắc Bộ đã xuất hiện nhiều loại điện thờ Tam Bảo với thiết kết không gian chiếm trọn một phần cuối cùng của tòa thượng điện, cùng với sự đồng đúc gồm nhiều lớp tượng theo một sơ đồ tương đối nhất quán. Tuy nhiên, theo thời gian và sự gia tăng số tượng Phật, Bồ Tát cũng như mặt bằng kiến trúc mỗi chùa sơ đồ sắp đặt tượng thờ có những khác nhau ít nhiều. Vấn đề tác động lớn nhất vẫn do số lượng tượng cúng tiến chùa ngày một nhiều, khiến cho nhiều chùa lúng túng tiếp nhận, sơ đồ sắp đặt tượng trên các ban thờ trong chính điện cũng như ngoài hành lang, sân vườn mỗi chùa mang những áp lực nhất định. Mặc dù vẫn tôn trọng nguyên tắc trục dọc: lần lượt là bộ Tam thế Phật, Di Đà Tam Tôn, Thích Ca Hoa Niêm vi tiểu, Phật Di Lặc, Phật Tuyết Sơn, Phật đàn sinh, Phật niết bàn. Cùng

với đó là các trục ngang là các Bồ Tát, Linh thần hộ pháp: Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thái Thượng Lão Quân hay Nam Tào, Bắc Đẩu. Sự đa dạng tín ngưỡng dân gian được tiếp thu vào các chùa Bắc Bộ, Việt Nam gia tăng thêm các ban thờ Thánh Mẫu, Đạo giáo. Phật giáo Đại thừa từ Bắc Bộ theo bước chân di dân khi vào đến Huế và Nam Bộ từ thế kỷ XVI và về sau đã có những thay đổi, bắt nguồn từ sự thích ứng với môi cảnh mới. Với dạng kiến trúc nhà “trăm cột” theo lối mandala khá phổ biến, chia ra nhiều không gian theo 4 mặt tường, đôi khi lại chia nhiều lớp theo chiều sâu, tạo ra rất nhiều điện thờ nhỏ. Trong đó, điển hình nhất vẫn là thức kiến trúc của 2 chùa điển hình là Giác Lâm và Giác Viên có thể xem là thể chuẩn mực mang tính cổ điển ở chùa Nam Bộ. Tuy vậy vẫn có thể nhận thấy đậm nét tinh thần chùa Bắc Bộ. Tuy nhiên, chùa Nam Bộ được bổ sung các ban thờ mới theo tín ngưỡng Thiên Y A Na, Thánh Đế quân, Thiên Hậu và chú trọng đến yếu tố trang trí kiến trúc nội thất với hệ thống các lớp bao che (bao lam), cửa võng, câu đối, hoành phi tạo ra sự thâm linh và sang trọng cho nơi đặt tượng Phật. Trong khi đó các ban thờ ở hành lang mỗi chùa thường được dàn trải ra nhiều quãng và có độ “loãng hơn”.

2.4. Khám thờ dạng hang động ở đền tháp Myanmar

Nghệ thuật tạo hình khám thờ ở vùng lục địa Đông Nam Á chủ yếu xuất hiện trong các di tích Bà La môn giáo, Hindu giáo, tuy nhiên Phật giáo mang tính trội; yếu tố Hindu giáo được xem như một thành tố pha trộn khá hữu hình có thể nhận thấy ở Myanmar, Campuchia và Thái Lan. Trong khi đó nghệ thuật tạo hình Champa hay Angkor lại cho thấy yếu tố Bà La môn và Hindu giáo vượt trội và Phật giáo như một thành tố pha trộn nhất định. Có 3 dạng thức khá tiêu biểu trong kiến trúc và tạo hình khám thờ ở nhóm các nước lục địa Đông Nam Á. Dạng thức khám thờ hang động của vùng Bắc Thái Lan và Myanmar ảnh hưởng lối tạo hình khám thờ của Hindu giáo có từ đầu Công

nguyên ở các hang động vùng cao nguyên Deccan miền Nam Ấn Độ. Nổi bật là phong cách Ajanta thế kỷ II trước Công nguyên đến thế kỷ IV sau Công nguyên. Đồng thời cũng cho thấy những mô phỏng thể thức dạng đền hình kim tự tháp như đền Meguti Hill rất rõ rệt của người Dravidian. Theo sử liệu Phật học của Ấn Độ cũng như Thái Lan, cây cột đá Sư tử tại chùa Wat U mong hiện nay là một di sản có từ thời vua Ashoka. Trong khi đó, ở Myanmar những ảnh hưởng Phật giáo nguyên thủy còn có thể sớm hơn và đậm nét hơn. Trong đó, cần kể đến kiểu thức tạo tượng Phật của người Môn và người Pyu ở vùng Bagan mang đậm yếu tố Phật giáo nguyên thủy [3].

Theo Skillington, các vương quốc Pyu và Môn là những trung tâm thịnh vượng của nền văn hóa Phật giáo theo đúng nghĩa của chúng, ngang với các trung tâm đương thời như Anuradhapura. Các truyền thống Phật giáo Mon-Pyu này là hình thức Phật giáo chiếm ưu thế ở Miến Điện cho đến cuối thế kỷ XII, khi Shin Uttarajiva lãnh đạo cuộc cải cách đưa trường phái Mahavihara của Sri Lanka vào Miến Điện [5, tr.56]. Khám thờ dạng hang động được biến cải thành đường hầm chủ yếu được phổ biến ở các chùa tháp Bagan ở thế kỷ XII-XV, đồng thời xuất hiện ở Chiangmai thời vương quốc Lanna ở thế kỷ XIII-XVIII. Trong đó, điển hình nhất là khám thờ dạng đường hầm ở chùa Ananda Phaya. Tháp có chân đế rộng, bốn hướng có cửa, trong đó 2 cửa hướng Đông và Tây thường có phần nổi dài ra ngoài là một loại nhà cổng hình thuyền, tương tự dạng nhà dẫn cửa tháp Chăm Po Naga ở Nha Trang, Việt Nam, nhưng tháp chùa Bagan có kích thước và quy mô to lớn hơn rất nhiều. Có 2 dạng khám thờ đường hầm: Thứ nhất, khám thờ trên lưng chừng vách hầm, kích thước khám vách hầm có kích thước loại bé nhất nhưng ở Wat Lam Chang (Bangkok) cao hơn 60 cm, rộng độ 40 cm, nhưng ở các chùa Myanmar khám thờ lưng chừng vách hang khá to lớn có

thể đặt được pho tượng Phật tọa thiền cao đến 1,4 m. Tại chùa Ananda Phaya người ta thấy có gần 100 khám thờ lưng vách và vài chục khám thờ lớn ở cuối mỗi đường hầm. Tượng Phật trong khám lưng chừng vách thường có thể tọa thiền định và kích thước chừng 80 cm đến 1,4 m; trong khi đó, khám thờ cuối đường hầm hay khám thờ ở điểm kết nối các ngã, nhánh đường hầm lại có dạng Phật đứng hai tay ở thế Thí nguyện thủ ấn (Varada Mudra). Tượng Phật đứng trong chùa Ananda Phaya thường có 2 lớp, lớp áo choàng ngoài bay nhẹ tạo 2 vạt bay sang 2 bên dạng tượng Phật Amaravati vùng Nam Ấn Độ đầu Công nguyên; Phong cách này cũng khá đậm nét ở các di chỉ khảo cổ học Ốc Eo, Việt Nam, thế kỷ II-X. Con đường hầm dẫn tới khám thờ lớn cuối đường hầm được dẫn dắt qua nhiều khám thờ lưng chừng vách, như một sơ đồ của con đường giác ngộ theo từng thang bậc, được thức giác bởi hình tượng Phật trên mỗi chặng tu thiền của Phật tử. Phải chăng đó cũng là một cách dẫn nhập hữu hình hóa cái vô hình của đạo pháp trong Phật giáo nguyên thủy “*Con đường thiền định, con đường weizza là một hệ thống bí truyền của các thực hành huyền bí (như đọc thần chú, samatha và thuật giả kim) được cho là dẫn đến cuộc sống như một weizza (vijjā), một sinh vật bán bất tử và siêu nhiên đang chờ đợi sự xuất hiện của Đức Phật tương lai, Maitreya (Arimeitaya)*” [4, tr.85]. Tại tháp chùa Dhammayangyi các khám thờ cuối đường hầm thường đục sâu vào tường đến 1,5 m - 2,0 m, được đặt các các tượng Phật tọa thiền, chất liệu đá, niên đại khoảng thế kỷ XII, thời vua Narathu; Những pho tượng cổ ở chùa này có hình khối căng mập, cổ rụt, mũi nhọn, dài, ngực nở, mắt khe mở. Phong cách tượng Phật có đầu to, thân ngắn và mập, khối căng lẩn, có hình hoa 8 cánh như dạng luân xa cũng đã xuất hiện Mondop của Wat Phra Thapdoi Suthep ở ChiangMai, dạng tượng Phật phong cách Môn cũng xuất hiện ở Wat Yannawa (Bangkor) và ngôi chùa này có chỉ

dẫn cho biết nguồn gốc pho tượng được đưa về từ chùa Campuchia có niên đại thế kỷ XV. Trong đường hầm trục chính có khám thờ Đức Phật nhập niết bàn chất liệu đá, đầu gối lên cánh tay phải và nhìn xuống, thân gầy, khối giản lược, giàu biểu cảm. Các bộ tượng ở chùa Dhammayangyi có dạng hình ô van, chia nhiều rang chạm nổi cánh hoa sen hai tầng, tầng trên là lớp cánh úp, tầng dưới là lớp dưới cánh lật. Nhiều khám lưng vách hang nhưng rất ít vật thờ, ngôi chùa tĩnh lặng với vẻ huyền bí gắn với huyền thoại bi ai của đức vua khởi dựng chùa. Chùa tháp Thatbyinnyu cũng trong khu vực Bagan có khá nhiều tượng đặt bên hành lang bên trái lối đi trong hầm, hầm cao tới gần 5 m. Chùa Sulamani ở Bagan cũng có các khám thờ mô phỏng hang động, mái vòm nhọn đỉnh kiểu cửa nhà thờ gô-tích, chiều cao đỉnh hang lên đến 6 m tương tự như hang ở chùa tháp Thatbyinnyu. Tượng Phật trên lối đi được sắp đặt sát tường bên trái lối vào và mật độ rất thoáng chừng một đoạn đường hầm 20 m, chỉ có 1 tượng, bề vuông 4 góc, nhưng giạt cấp 3 lớp góc, thắt giữa bề, các góc có đầu mũi đao hình tam giác nhô lên tựa như vẩy đao đuôi rắn Naga. Các khám thờ chính cao trên 6 m, vòm đỉnh thắt nhọn, là điểm kết cuối mỗi đường hầm và có tượng Thích Ca ở dáng đứng, hai vạt áo xòe sang hai bên, hai tay đưa ra phía trước ở thế Thí nguyện thủ ấn.

2.5. Khám thờ dạng hang động ở Chiangmai (Thái Lan)

Những đặc trưng Phật giáo nguyên thủy (Theravada) ở Myanmar có thể nhận thấy ở lan tỏa đến những vùng ngoại biên như Chiangmai và Chiangrai. Tại tháp Umong Suan Puthatham (ChiangMai) được xây dựng bởi vua Mangrai của Vương triều Lanna vào năm 1297 hiện còn nguyên trạng các khám thờ dạng hang động (hình 2 và hình 3); trong đó 3 đường hầm nguyên bản, đi thẳng lên đồi Suthep lệch trái 15⁰ so với tháp gạch trung tâm trên đỉnh đồi, tháp gạch bốn cạnh thu vát đều, có chiều cao 36 m.

Một quần thể di vật khảo cổ học được quản lý, sắp đặt trước sân bên dưới chân tháp, bên ngoài khu vực các khám thờ dạng hang động, khu trung bày rộng trên 800 m² với trên 300 hiện vật là các di vật điêu khắc của Phật giáo nguyên thủy thuộc vương triều Lanna có giá trị khảo cứu nghệ thuật tạo hình quý giá. Vấn đề độc đáo là hệ thống khám thờ hang động tại đây có sự kết nối với các đường hầm dọc và ngang dẫn vào chân tháp (có tới gần 20 khám lung vách và 6 khám cuối hầm và ngã tư hầm).

Ngôi chùa tháp thứ 2 ở Chiangmai có dạng khám thờ dạng hang động là chùa tháp Wat Photharam Maha Wihan hay Chet Yot (người Thái còn gọi là chùa bảy ngọn tháp - chet yot). Đây là trung tâm hành hương của những người sinh năm Rắn, nên trong sân chùa trung bày hàng trăm tượng rắn thần Naga. Ngôi chùa do vua Tilokarat xây dựng vào năm 1455, mô phỏng ngôi đền Mahabodhi ở Myanmar, cũng là bản sao đền Mahabodhi ở Bodh Gaya ở Ấn Độ. Ngôi chùa có kiến trúc dạng tháp gạch với đế hình chữ nhật, một lối vào hang ở phía Đông, xung quanh tường đắp nổi trên 20 tượng thiên thần. Đây cũng là một khám thờ dạng hang động sâu chừng 18 m, cuối hầm là khám thờ tượng Thích Ca, tuy nhiên các tượng Phật ở hang này là di vật mới được đưa vào ở thế kỷ XX. Tại đây, vẫn còn dư âm ảnh hưởng những quy định, tập tục trong tu thiền của Phật giáo nguyên thủy của người Buma có từ thế kỷ XII, đó là sự phân biệt giới tính và có thể nhận thấy tại ngôi đền tháp này, đó là việc không cho phụ nữ lên 7 tháp đỉnh thực hiện đánh lễ. Dòng tu Bhikkhuni (nữ tu) của Phật giáo nguyên thủy Myanmar đã bị đình trệ và gần như vắng bóng từ thế kỷ XI, sang đầu thế kỷ XXI đã có những dấu hiệu hồi sinh với 11 Tỷ kheo ni Thevarada [6, tr.15]. Dấu tích khám thờ mô phỏng dạng hang động thừa bóng dần ở vùng Bangkor, Skhothai, Ayutthaya, tuy nhiên ngôi tháp gạch dạng Hindu giáo tại chùa Lam Chang (Bangkor) lại cho thấy những ảnh hưởng của

Phật giáo nguyên thủy vẫn còn ảnh hưởng đến tận thế kỷ XV tại đây.



Hình 2. Khám thờ đường hầm ở Wat Chet Yot, Chiangmai, Thailand TK XV

Nguồn: Tác giả, 2023



Hình 3. Khám thờ đường hầm Wat Umong, Chiangmai, Thailand, TK XIV

Nguồn: Tác giả, 2023

2.6. Khám thờ dạng tháp kiểu ở Thái Lan

Hình thức tạo hình khám thờ thờ độc thần chuyển dần sang dạng ban thờ to lớn tân kỳ với nhiều Phật và thần linh xuất hiện trong các điện thờ ở các chùa ở thế kỷ XVII-XX ở Thái Lan; Đây cũng là dấu mốc xác thực việc các vua Rama xây dựng triều đại Chakri với vương quốc Rattanakosin phát triển cường thịnh bậc nhất Đông Nam Á. Các điện thờ Phật trong các Bot, Ubosot, Viharn được trang hoàng lộng lẫy, nhiều dạng ban thờ Phật Thích Ca có 1 tượng Phật lớn và nhiều Phật bé bên dưới theo hàng hay vây quanh cùng các tượng thiên thần hộ pháp, hình Vua-Phật. Trường hợp điện thờ có

ban thờ với số lượng tượng nhiều nhất là Wat Mahathat (Bangkor); tại đây ban thờ chiếm diện tích 25 m chiều ngang và 30 m chiều sâu, sắp đặt hơn 100 tượng nhà sư ở dáng quỳ đánh lễ quanh Đức Phật Thích Ca tọa thiền chính giữa sàn nhà; Phía trên, bên trong là ban thờ chính có khám và lọng che, tượng Phật chính cao trên 6 m. Có khá nhiều chùa ở BangKor có ban thờ dạng khám ở thể bán chìm (tượng Phật lớn được đặt chìm thân trong khám có hình mái tháp), khám là trung tâm của ban thờ chính xuất hiện ở các Ubosot (Wat Pho, Wat Lamchang Bangkor, Wat Phrasing - Chiangmai, Wat Chedi Luang- ChiangMai); Đặc biệt dạng khám thờ chất liệu gỗ sơn son thếp vàng có dạng kiểu tháp thường đặt hai bên điện thờ chính (Wat Phra Sing ChiangMai, Wat Chedi Luang ChiangMai, Wat Mahathat Bangkor...) (hình 4 và hình 5). Thể loại khám thờ dạng kiểu tháp được người Thái đặc biệt coi trọng, nhiều chùa đặt 2 khám thờ dạng kiểu ở hai bên điện thờ chính. Khám thờ có 4 cửa ở 4 phía, thường chia 5 tầng: Nhóm tầng đế nhiều lớp vát góc nhiều sọc thẳng đứng chia làm 3 múi lớn, chạm khắc hoa văn vẩy rắn Naga, bốn cân có hình Chinthe (một dạng sư tử có mõm dài), mái khám tháp có hình Chofa (một dạng chim thần Garuda có mũi đao nhọn dài trên mõm). Tầng bệ đỡ trên phần đế thường loe rộng đỡ khám có hình lớp cánh hoa sen; khám có 4 trụ, thân khám thờ dạng kiểu tháp thường cao gấp 3 lần đế; Đỉnh khám tháp kiểu mô phỏng kiến trúc các stupa có 7 tầng gồm nhiều hình tròn xếp lên nhau, nhỏ dần lên trên. Bên trong khám thường đặt tượng Phật cỡ nhỏ chừng 40 cm-50 cm, đôi khi đặt PraYaKru đựng di cốt của vua (khám bên trái); hay di cốt của sư Tổ (khám bên phải). Tại bảo tàng quốc gia Thái Lan ở Bangkor hiện trưng bày trên 20 bộ kiểu rước vua qua các thời kỳ của Thái Lan, trong đó kiểu được thiết kế ở phần ngự của vua trên cao nhất là hình “khám tháp kiểu” khá giống các khám tháp gỗ có trong chùa ở Thái Lan.



Hình 4. Tháp kiệu ở Wat Phra Singh Woramahaviharn, thế kỷ XV

Nguồn: Tác giả, 2023



Hình 5. Khám thờ dạng tháp kiểu ở Wat Pho, Bangkor, thế kỷ XVII

Nguồn: Tác giả, 2023

3. KẾT LUẬN

Nghệ thuật tạo hình tôn giáo, tín ngưỡng là một thể loại di sản mỹ thuật có giá trị đặc biệt của loài người. Khảo sát, nghiên cứu thể loại khám thờ, ban thờ ở các di tích kiến trúc nghệ thuật vùng lục địa Đông Nam Á cho thấy những mạch nguồn kết nối từ rất sớm từ đầu Công nguyên của các dân tộc, quốc gia ở Đông Nam

Á. Những sắc thái sáng tạo mỹ cảm đa dạng từ những nguồn cảm hứng trong kho tàng tín ngưỡng dân gian và quan niệm cuộc sống khác nhau ở mỗi dân tộc. Khám thờ mô phỏng hang động ở Myanmar và Bắc Thái Lan mang theo những ký ức văn hóa cội nguồn của Phật giáo

nguyên thủy; Khám thờ mô phỏng tháp kiêu của người Thái vùng Ayutthaya, Bangkok phản ánh một sắc diện của Phật giáo hoàng gia; Khám thờ vùng Bắc Bộ, Việt Nam cho thấy những sáng tạo mô phỏng những biểu tượng chùa làng rất khiêm nhường nhưng giàu chất thi vị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
- [2] Thiệu Chử (2024), *Hán Việt tự điển*, Nxb Hồng Đức.
- [3] Kanai Lal Hazra (2011), *Buddhism and Pali literature of Myanmar*, MR Publishing corporation.
- [4] Melford Espiro (1982), *Buddhism and Society (A great tradition and its Burmese vicissitudes)*, Publish University of California Press.
- [5] Michael Aung Thwin and Maitril Aung Thwin (2012), *A History of Myanmar since ancient time (traditions and transformations)*, The University of Chicago press.
- [6] Sayadaw Dr. Nandamalabhivamsa (1988), *Bhikkhuni Sasana the Theravāda Tradition*, Publish AIC Dhamma.